

Số: /TB-BV

Hà Giang, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO
V/v đề nghị cung cấp báo giá các mặt hàng thuốc

Căn cứ Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư 15/2011/TT-BYT ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Bộ Y tế quy định về tổ chức và hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc trong bệnh viện;

Căn cứ Thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế Quy định Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;

Căn cứ nhu cầu sử dụng thuốc tại Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang năm 2023;

Để công tác đấu thầu thuốc cung cấp cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang năm 2023 theo đúng quy định của Pháp luật.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang đề nghị Quý đơn vị có khả năng cung cấp thuốc (theo danh mục chi tiết - Phụ lục 1) gửi báo giá về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang để tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

Báo giá của Quý đơn vị theo mẫu tại Phụ lục 2 gửi về địa chỉ Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang (địa chỉ: Tổ 10, Phường Minh Khai, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) **trước ngày 25/4/2023**.

Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Ds. Hoàng Quốc Bảo, Phó trưởng khoa Dược; SĐT: 0976.334.981.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đăng Website bệnh viện;
- Lưu VT, KD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Dũng

Phụ lục 1. Danh mục thuốc đề nghị báo giá
(Kèm theo Thông báo số /TB-BV ngày /4/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

STT	Tên hoạt chất theo TT 20/2022	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế theo thông tư 15	Đơn vị tính đề xuất	Phân nhóm kỹ thuật	Ghi chú
1.	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat); acid clavulanic (dưới dạng Kali Clavulanat)	400mg; 57mg	Uống	viên bao phim	Viên	4	
2.	Amoxicillin + Acid clavulanic	400mg+ 57mg	Uống	Bột pha uống	Chai	5	
3.	Cefpodoxime proxetil	sau khi pha: 40mg Cefpodoxime/ 5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch	Lọ	5	
4.	Cefpodoxime proxetil	100mg	uống	Viên nang cứng	Viên	5	
5.	Cefditoren pivoxil	50mg	Uống	cốm pha hỗn dịch uống	Gói	1	
6.	Esomeprazole + clarithromycin + tinidazol	40mg + 500mg + 500mg	Uống	viên bao phim	Kit	5	
7.	Sulfamethoxazole + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	viên nén	Viên	1	
8.	Metronidazol + Miconazol	100mg + 100mg	Đặt âm đạo	Viên nang mềm đặt âm đạo	Viên	5	
9.	Clindamycin + Clotrimazol	100mg+200mg	đặt âm đạo	viên nang mềm	Viên	4	
10.	Amino acid amin + Glucose + Lipid	(11,3% + 11% + 20%)/ Túi 360ml	Dung dịch tiêm truyền - Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền - Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi	5	
11.	Amino acid amin + Glucose + Lipid	(11,3% + 19% + 20%); Túi	Dung dịch tiêm	Dung dịch tiêm truyền -	Túi	2	

STT	Tên hoạt chất theo TT 20/2022	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế theo thông tư 15	Đơn vị tính để xuất	Phân nhóm kỹ thuật	Ghi chú
		1026ml	truyền - Tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch			
12.	Tricalci phosphat, Vitamin D3	10g, 60000IU	Uống	Dung dịch uống	Ống	4	
13.	Glucosamin sulfate + Chondroitin sulfate	750mg + 250mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên		
14.	Benfotiamin	150mg	Uống	Viên	Viên	4	
15.	Adenosine triphosphate + Cocarboxylase + Cyanocobalamin + Nicotinamide	10mg + 50mg + 500mg + 20mg	Tiêm	ống bột đông khô	Ống	5	
16.	Vitamin A Vitamin B1 Vitamin B6 Vitamin PP Vitamin D3 Vitamin B2 Vitamin B12	5000IU, 20mg, 10mg, 5mg, 400IU, 2,5mg, 100mcg	Uống	Siro	Ống	4	
17.	Ubidecarenone (Coenzym Q10)	100 mg	Uống	viên nang mềm	Viên	5	
18.	Mỗi 5ml chứa: Calci ascorbat khan (dưới dạng Calci ascorbat); Lysin hydroclorid; Acid ascorbic (tương ứng Lysin ascorbat)	250mg + 141,7mg + 136,6mg	Uống	dung dịch uống	Ống	4	
19.	Acid ascorbic; Calcium carbonat; Lysin HCl	72,4mg, 12,8mg, 28,33m	Uống	Dung dịch uống	Ống	4	
20.	Sắt nguyên tố (dưới dạng phức hợp Sắt(III) hydroxyd polymatose); Acid Folic	50mg, 500mcg	Uống	Dung dịch uống	Ống	4	
21.	Risedronate Sodium	35mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2	

STT	Tên hoạt chất theo TT 20/2022	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế theo thông tư 15	Đơn vị tính để xuất	Phân nhóm kỹ thuật	Ghi chú
22.	Fexofenadin hydrochlorid	30mg/5ml	Uống	hỗn dịch uống	Chai	5	
23.	Levocetirizin	0,5mg/ml; chai 90ml	Uống	Dung dịch, Uống	Chai	4	
24.	Esomeprazol (dưới dạng esomeprazol magesi)	40mg	Uống.	Viên nén bao tan trong ruột.	Viên	5	
25.	Almagate	500mg	Uống.	Viên nén	Viên	2	
26.	Nhôm phosphat gel	10g	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	4	
27.	Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus rhamnosus, Bifidobacterium longum	100 triệu CFU (tương ứng 4mg)/100 triệu CFU (tương ứng 2mg)/100 triệu CFU (tương ứng 10mg)	Uống	Bột pha uống	Gói	4	
28.	Arginine hydrochlorid	800 mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	4	
29.	L(-) Arginin HCL	1g	Uống	Dung dịch uống	Ống	4	
30.	L-Ornithin L-Aspartat	5g/10ml	Tiêm	Dung dịch cô đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Ống	5	
31.	L-Ornithine- L-Aspartate	500mg/5ml	Tiêm	dung dịch tiêm	Ống	2	

STT	Tên hoạt chất theo TT 20/2022	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế theo thông tư 15	Đơn vị tính để xuất	Phân nhóm kỹ thuật	Ghi chú
32.	Ubidecarenone + D-alpha-tocopherol	30 mg + 6,71 mg	Uống	viên nang mềm	Viên	4	
33.	Cao khô quả cây kế sữa (tương ứng 70mg Silymarin (DNPH)) (dung môi chiết: ethyl acetat)	86,5-93,35mg	Uống	Viên nang	Viên	1	
34.	Ginkgo biloba	80mg	Uống	Ống uống	Ống	4	
35.	Mỗi 4ml chứa: Citicolin (dưới dạng Citicolin sodium)	1000mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	4	
36.	Piracetam	1200 mg	Uống	Cốm pha uống	Gói	4	
37.	Piracetam	2400mg	Uống.	Thuốc bột uống	Gói	4	
38.	Cao khô cỏ thánh John (Hyperici herbae extractum siccum)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1	
39.	Kali citrate	3g	Uống	Thuốc bột	Gói	5	
40.	Ibuprofen	100mg/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Chai	2	
41.	Nabumetone	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2	
42.	Guaifenesin; Phenylephrine hydrochloride	100mg, 5mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	4	
43.	Methylprednisolon	16mg	Uống	Viên nang	Viên	4	
44.	Methylprednisolon	40mg	Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	1	
45.	Irbesartan	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1	
46.	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống.	Viên nén bao tan trong ruột.	Viên	5	

STT	Tên hoạt chất theo TT 20/2022	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế theo thông tư 15	Đơn vị tính để xuất	Phân nhóm kỹ thuật	Ghi chú
47.	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20mg	Uống.	Viên nén bao tan trong ruột.	Viên	2	
48.	Levodropropizin	60mg	Uống		Viên	2	
49.	Thương truật + Hậu phác + Trần bì + Cam thảo	2000mg + 1300mg + 1300mg + 1300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Nhóm 3/TT06	

(Tổng cộng 49 danh mục)

Phụ lục 2. Mẫu báo giá

(Kèm theo Thông báo số /TB-BV ngày /4/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Người đại diện/liên hệ:

SĐT liên hệ:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

Công ty xin gửi danh mục và giá dự kiến các sản phẩm Công ty hiện đang phân phối như sau:

I. Mẫu báo giá của phụ lục 2

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Phân nhóm theo TT 15	Số đăng ký/Số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT, VNĐ)	Giá bán buôn kê khai, kê khai lại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	120	13	14	15

Báo giá này có hiệu lực đến ngày:

Giám đốc đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- 1. Giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí, lệ phí khác.*
- 2. Đơn vị chịu trách nhiệm về các tài liệu làm căn cứ phân nhóm kỹ thuật theo quy định tại Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế*
- 3. Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 6 tháng kể từ ngày ký.*
- 4. Đề nghị quý công ty làm bảng báo giá theo đúng mẫu Bệnh viện đa khoa Tỉnh đã gửi, không thêm bớt các cột để thuận tiện cho Bệnh viện tổng hợp.*
- 5. Nếu thuốc thuộc danh mục tại Phụ lục 1 đã có kết quả trúng thầu tại các cơ sở y tế trong vòng 12 tháng, đề nghị Quý công ty cung cấp các quyết định trúng thầu để Bệnh viện làm căn cứ tổng hợp.*